

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **174/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 25 - 8- 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Hữu Thắng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Trần Thị Hiền

2. Bà Hoàng Thị Thu

**Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:**

*Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.*

Ngày 25/8/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án thụ lý số 99/2022/TLST - HNGĐ ngày 11/5/2022 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị H, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2022 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Lưu Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh M kết hôn vào ngày 24/5/2016 tại UBND xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Kết hôn do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Anh M hay đi uống rượu về lại đánh chửi chị. Một nguyên nhân nữa là vì kinh tế, cụ thể là mâu thuẫn trong quản lý và chi tiêu tiền. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh M nhiều lần nhưng không được, mâu

thuần vợ chồng cứ xảy ra trầm trọng, kéo dài. Chị và anh M đã sống ly thân từ ngày 28/4/2022 đến nay và thôi quan hệ sinh lý từ đó. Hiện tại chị không có thai nghén gì. Từ khi ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn. Chị làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/8/2016 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/8/2019, hiện nay hai cháu đang ở với anh M. Khi ly hôn bản thân chị mong muốn được Tòa án giải quyết cho chị được nuôi hai con. Nếu không thì một con, con nào cũng được. Hoặc nếu anh M muốn nuôi cả hai con, để cho có anh có em gần nhau thì chị cũng đồng ý cho anh M nuôi cả hai con, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 24/6/2022 và quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn do hai bên tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và cho tổ chức đám cưới ngày 24/5/2015. Đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2016 tại UBND xã L, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp, quan điểm sống hai bên không đồng nhất. Chị H tính bướng bỉnh, khi anh uống rượu về không khéo trong ứng xử nên anh đã đánh chị H, cũng đánh nhiều lần. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình phân tích khuyên giải, nhưng tình cảm vợ chồng không hòa hợp được. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 28/4/2022 đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh M mong muốn chị H bỏ qua lỗi của anh để vợ chồng trở về làm ăn nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/8/2016 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/8/2019 hiện nay hai cháu đang ở với anh. Nếu phải ly hôn anh muốn nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh M trình bày trước khi mở phiên tòa anh đã điện thoại trao đổi với chị H và hai bên đã thống nhất được các vấn đề trong vụ án. Cụ thể anh và chị H thống nhất ly hôn. Về con chung hai bên thống nhất anh nuôi cả 02 con và yêu cầu chị H cấp dưỡng

1.000.000đ/1 tháng cho cả 02 con, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 228 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị H, đề nghị Tòa án xử cho chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/8/2016 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/8/2019 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận mức cấp dưỡng do anh M yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng cho cả 02 con, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022. Chị H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở ngăn cấm. Vì quyền lợi của các con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có) theo quy định.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

*{ 1} Về tố tụng:*

*1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị H và anh M là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

*1.2. Về sự vắng mặt của nguyên đơn:*

Chị H có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*{2} Về nội dung:*

- *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị H và anh M sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh M đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị H xin ly hôn, về phía anh M tại phiên tòa anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Chị H và anh M có 02 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/8/2016 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/8/2019 hiện nay hai cháu đang ở với anh M. Khi ly hôn anh M muốn nuôi cả 02 con. Đối với chị H, chị muốn nuôi 02 con, nếu không thì một con, con nào cũng được. Hoặc nếu anh M muốn nuôi cả hai con, để cho có anh có em gần nhau thì chị cũng đồng ý cho anh M nuôi cả hai con. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị H và anh M chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chị H không về tham gia xét xử và chị cũng đồng ý để anh M nuôi cả hai con. Vì vậy HĐXX chấp nhận theo nguyện vọng của hai bên, giao cho anh M nuôi 02 con là phù hợp, khi nào chị H muốn nuôi sẽ làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chấp nhận theo yêu cầu của anh M, yêu cầu chị H cấp dưỡng 1.000.000đ/1 tháng cho cả 02 con, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị H và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

*Về án phí*: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn. Chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu của chị Lưu Thị H.

*Về Hôn nhân*: Chấp nhận chị Lưu Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

*Về con chung:* Chị H và anh M có 02 con chung. Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 05/8/2016 và Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/8/2019 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 1.000.000đ cho cả 02 con, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

*Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Các đương sự không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) mà chị H đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003460 ngày 11/5/2022. Chấp nhận chi Hải đã nộp đủ tiền án phí ly hôn. Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Quyền kháng cáo:* Tuyên quyền kháng cáo bản án cho anh M trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với chị H vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hữu Thắng**